

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 09 - 5 - 2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 465/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hà T, sinh năm: 1972; địa chỉ: Tổ 10 ấp T, xã P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 13 ấp B, xã H, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn 1990, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Bà Rịa ngày 24/9/1990. Quá trình chung sống, ông C thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về nhà đánh đập vợ con, không chăm lo gia đình dù kinh tế gia đình nhiều khó khăn. Ông bà đã sống ly thân hơn 8 năm nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai nên không thể kéo cuộc hôn nhân này được nữa. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Bà và ông C có 4 con chung là Nguyễn Văn A, sinh ngày 26/6/1992; Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 10/01/1995; Nguyễn Trọng N, sinh

ngày 05/11/2002 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 09/02/2004. Hiện cháu A, cháu T1 đã trưởng thành, bà không yêu cầu. Đối với cháu N, cháu T2, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Văn C được biết, và trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hà T xin ly hôn với ông Nguyễn Văn C là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T được ly hôn với ông C; Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung chưa thành niên cho bà T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Bà T phải chịu toàn bộ án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Hà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C; bị đơn hiện đang cư trú tại xã H, thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hà T và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 88, ngày 24/9/1990 của Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T thì giữa bà và ông C trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, ông C thường xuyên nhậu nhẹt, đánh đập vợ con. Cuộc sống hôn nhân của ông bà không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo cuộc hôn nhân này được nữa.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông C, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà T đã giao nộp cho Tòa án, đồng thời đã nhiều lần triệu tập ông C đến Tòa án làm việc để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà T, cũng như thông báo để ông C đến tòa án tham gia phiên hòa giải, nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do. Như vậy lời khai của bà T về việc gia đình bà có mâu thuẫn, không có hạnh phúc là có cơ sở. Việc ông C không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh ông không còn quan tâm đến gia đình, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông C có 4 con chung là Nguyễn Văn A, sinh ngày 26/6/1992; Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 10/01/1995; Nguyễn Trọng N, sinh ngày 05/11/2002 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 09/02/2004. Hiện cháu A, cháu T1 đã trưởng thành, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu N, cháu T2: từ khi ly thân đến nay do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đúng theo nguyện vọng của các con nên yêu cầu của bà T là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Bà T và ông C có 4 con chung là Nguyễn Văn A, sinh ngày 26/6/1992; Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 10/01/1995; Nguyễn Trọng N, sinh ngày 05/11/2002 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 09/02/2004. Hiện cháu A, T1 đã trưởng thành, bà T không yêu cầu.

Giao 02 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 05/11/2002 và Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 09/02/2004 cho bà Nguyễn Thị Hà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hà T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2016/0008532 ngày 26/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Bà T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP Bà Rịa;
- Chi cục THA DS TP Bà Rịa;
- UBND xã H, TP Bà Rịa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung